

Một số giải pháp tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU (BASEAFOOD)

✍ ThS. Phạm Thị Phượng* - ThS. Nguyễn Thị Anh Thư*

Ngày nhận: 07/02/2025

Biên tập: 08/02/2025

Duyệt đăng: 22/02/2025

Tóm tắt

Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh là xu thế tất yếu và chính nó thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp (DN). Vấn đề đặt ra cho mỗi DN là làm sao sản xuất kinh doanh có lãi và một trong những biện pháp mà các DN luôn hướng tới là tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm, vì đó là con đường chủ yếu làm tăng lợi nhuận, là tiền đề hạ giá bán và tăng sức cạnh tranh của DN trên thị trường.

Từ khóa: chi phí, giá thành, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành.

Abstract

In a market economy, competition is an inevitable trend and it promotes the development of enterprises. The problem for each enterprise is how to produce and do business profitably and one of the measures that enterprises always aim for is to save costs and reduce product prices because that is the main way to increase profits, is the premise to reduce selling prices, and increase the competitiveness of enterprises in the market.

Keywords: cost, price, cost savings, cost reduction.

JEL Classifications: M40, M41, M49.

DOI: <https://doi.org/10.59006/vnfa-jaa.02202512>.

1. Đặt vấn đề

Đối với DN sản xuất hay kinh doanh dịch vụ thì giá thành luôn là yếu tố quan trọng để DN có thể tái sản xuất và tìm kiếm lợi nhuận. Mặt khác, giá thành còn là công cụ quan trọng để DN có thể kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể nói, giá thành là một tấm gương phản chiếu toàn bộ biện pháp, tổ chức quản lý kinh tế, liên quan đến tất cả các yếu tố chi phí trong sản xuất.

Do đó, tác giả đã chọn đề tài “Một số giải pháp về tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Bà Rịa - Vũng Tàu (BASEAFOOD)” làm đối tượng nghiên cứu của mình.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm về giá thành

Giá thành là toàn bộ chi phí mà DN bỏ ra để hoàn thành việc sản xuất sản phẩm, nó được biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí, chi phí lao động, nguyên vật liệu,... của các sản phẩm trong quá trình sản xuất mà DN hoàn thành sản xuất trong điều kiện công suất bình thường.

2.2. Phân loại giá thành sản phẩm

2.2.1. Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm xác định

Theo thời điểm xác định, giá thành sản phẩm được phân ra làm 03 loại, bao gồm giá thành kế hoạch, giá thành thực tế và giá thành định mức.

- Giá thành định mức: là loại giá thành được tính toán dựa trên cơ sở định mức về kinh tế kỹ thuật. Đây là cơ sở để phân tích, so sánh giữa giá cả thực tế và giá thành kế hoạch, từ đó đưa ra những kết luận và biện pháp quản lý phù hợp.

- Giá thành kế hoạch: tức là giá thành được đề xuất ra trước khi bắt đầu đi vào quá trình sản xuất sản phẩm. Chúng được xây dựng dựa trên các định mức về kinh tế, kỹ thuật, số liệu phân tích tình hình thực tế của kỳ trước và các định mức. Mối quan hệ giữa giá thành định mức và giá thành kế hoạch là: Giá thành kế hoạch = Giá thành định mức * Tổng sản phẩm theo kế hoạch.

- Giá thành thực tế: là giá thành được đưa ra sau khi kết thúc một chu kỳ sản xuất hoặc một thời kỳ sản xuất, được xác định trên cơ sở chi phí thực tế đã chi ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2.2.2. Phân loại theo nội dung cấu thành giá thành

Theo đó, giá thành sản phẩm sẽ được phân ra làm 02 loại, bao gồm:

- Giá thành sản xuất: là các chi phí phát sinh cho việc sản xuất sản phẩm ở phân xưởng. Bao gồm:

+ Nguyên liệu trực tiếp: là toàn bộ chi phí cho nguyên liệu vật liệu hoặc các bộ phận trực tiếp đi vào sản xuất sản phẩm. Ví dụ, đối với một công ty sản xuất đồ chơi, chi phí nguyên liệu trực tiếp chính là nhựa.

* Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

+ Lao động trực tiếp: chi phí nhân công trực tiếp chính là tiền lương, phúc lợi và bảo hiểm mà công ty hay DN chi trả cho người lao động trực tiếp sản xuất và sản xuất hàng hóa.

+ Chi phí sản xuất chung: chi phí sản xuất chung bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến nhà máy như chi phí máy móc và chi phí vận hành máy móc. Bên cạnh đó, mức chi phí này còn bao gồm một số chi phí gián tiếp như các nguồn nguyên liệu gián tiếp được sử dụng trong quá trình sản xuất nhưng không có nguồn gốc trực tiếp đối với sản phẩm (ví dụ keo, dầu) và nguồn lao động gián tiếp là những người không trực tiếp sản xuất ra sản phẩm (như nhân viên bảo vệ, giám sát).

- Giá thành toàn bộ: hay còn được gọi là giá thành tiêu thụ hoặc giá thành đầy đủ, là toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình sản xuất ra một khối lượng sản phẩm hoàn thành và tiêu thụ xong khối lượng sản phẩm đó. Cụ thể như sau:

+ Giá thành sản xuất của toàn bộ sản phẩm tiêu thụ.

+ Chi phí bán hàng: tổng các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm như chi phí marketing, vận chuyển.

+ Chi phí quản lý DN: là các chi phí được dùng cho bộ máy quản lý và điều hành DN.

2.3. Các bước quy trình để tính giá thành sản phẩm hiệu quả

Bước 1: Tổng hợp các chi phí sản xuất

Tập hợp các chi phí dở dang đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

Bước 2: Xác định số lượng để phân bổ

$$Q_{dk} + Q_{sx} = Q_{ht} + Q_{ck}$$

Bước 3: Lựa chọn cách thức tính giá thành

Bước 4: Lập bảng tính giá thành

2.4. Cách tính giá thành sản phẩm phổ biến nhất

2.4.1. Cách tính giá thành trực tiếp đơn giản

- Dựa vào các khoản chi phí sản xuất đã tập hợp được trong quá trình công nghệ và kết quả đánh giá sản phẩm dở dang. Từ đó, tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị theo công thức như sau:

Tổng giá thành sản phẩm = Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ + Chi phí sản xuất trong kỳ – Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ

2.4.2. Tính giá thành sản phẩm theo tỷ lệ

Công thức tính giá thành theo tỷ lệ thực tế là:

Giá thành thực tế cho từng quy cách sản phẩm = Tổng tiêu thức phân bổ x Tỷ lệ giá thành chung cho sản phẩm

Trong đó: Tổng tiêu thức phân bổ chính là tổng giá định mức hoặc tổng giá thành kế hoạch đã được chuẩn bị và thống nhất trước khi bắt đầu vào quy trình sản xuất.

2.4.3. Tính giá thành theo phương pháp hệ số

Một số lĩnh vực, ngành nghề phù hợp để dùng cách tính giá thành theo hệ số gồm: May mặc, hóa chất, chăn nuôi, chế tạo, cơ khí, điện cơ

Công thức tính cụ thể:

Giá thành sản phẩm = Tổng giá thành toàn bộ loại sản phẩm / Tổng số sản phẩm gốc

Trong đó:

- Số sản phẩm tiêu chuẩn = Số sản phẩm từng loại x Hệ số quy đổi từng loại sản phẩm (Tiêu chuẩn được quy ước là hệ số 1)

- Tổng giá thành sản xuất sản phẩm = Số sản phẩm tiêu chuẩn x Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn

2.4.4. Tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này chỉ được sử dụng cho các DN sản xuất sản phẩm hàng loạt. Hoặc các loại sản phẩm đơn chiếc nhưng là đơn được yêu cầu.

Công thức tính cụ thể:

Giá thành cho từng đơn hàng = Giá thành của nguyên vật liệu trực tiếp + Lương nhân công trực tiếp + Chi phí sản xuất chung (toàn bộ chi phí từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc đơn hàng).

2.4.5. Tính giá thành loại trừ sản phẩm phụ

Một số các ngành nghề, lĩnh vực phù hợp với cách tính giá thành loại trừ sản phẩm phụ gồm: chế biến rượu bia, mì ăn liền, đường.

DN muốn áp dụng cách tính này, cần thực hiện hai công thức sau:

- Năm rõ các khoản chi phí và tỷ trọng chi phí sản xuất sản phẩm phụ so với sản phẩm chính

Tỷ trọng chi phí sản xuất sản phẩm phụ = Chi phí sản xuất sản phẩm phụ / Toàn bộ chi phí sản xuất thực tế

- Giá thành sản phẩm chính

Giá thành sản phẩm chính = Giá trị sản phẩm chính dở dang đầu kỳ + Tổng chi phí phát sinh trong kỳ – Giá trị sản phẩm phụ thu hồi – Giá trị sản phẩm chính dở dang cuối kỳ

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập được trong quá trình làm việc tại công ty.

Phương pháp đánh giá số liệu

Theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu số liệu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích chi phí sản xuất tại Công ty BASEAFOOD.

4.1.1. Phân tích chi phí nguyên vật liệu của 4.923.405,4 kg thủy hải sản

Bảng 1

ĐVT: đồng

Khoản mục giá thành	Giá thành của 4.923.405,4 kg thủy hải sản				Chênh lệch TT so với	
	Kế hoạch		Thực tế		KH	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Mức +/-	Tỷ lệ %
CP NVL TT	289.988.578.060	81,4%	292.797.556.075	81,6%	+2.808.978.015	+0,97
CP NC TT	45.295.329.680	12,7%	45.020.028.516	12,5%	-275.301.164	-0,61
CP SXC	21.170.643.220	5,9%	20.974.587.721	5,8%	-196.055.499	-0,93
Cộng	356.454.550.960	100%	358.792.172.312	100%	+2.337.621.352	+0,66

(Nguồn: tác giả thống kê)

Bảng 2

ĐVT: đồng

Đơn giá tiền lương		Tổng chi phí tính cho 4.923.405,4 kg		Chênh lệch
KH	TT	KH	TT	
9.200	9.144	45.295.329.680	45.020.028.516	-275.301.164

(Nguồn: tác giả thống kê)

Khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng 2.808.978.015 đồng, tương ứng với 0,97%, còn hai khoản mục chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung thì giảm so với kế hoạch, cụ thể chi phí nhân công trực tiếp giảm 1 lượng là 275.301.164 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 0,61%; chi phí sản xuất chung giảm so với kế hoạch là 0,93%, tương ứng 196.055.499 đồng, điều này đã làm cho tổng giá thành sản xuất của 4.923.405,4 kg thủy hải sản năm 2024 cao hơn so với kế hoạch 0,66%, tương ứng 2.337.621.352 đồng.

Về kết cấu chi phí, tỷ trọng của chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, giảm còn tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng.

4.1.2. Phân tích chi phí tiền lương của 4.923.405,4 kg thủy hải sản

Qua bảng 2 ta thấy, tổng chi phí nhân công trực tiếp sử dụng cho sản xuất 4.923.405,4 kg thủy hải sản thực tế so với kế hoạch giảm 275.301.164 đồng. Kết quả đó cho thấy, công ty đã thực hiện

tốt công tác quản lý chi phí nhân công trực tiếp.

4.1.3. Phân tích khoản mục chi phí sản xuất chung

Qua bảng 3 ta thấy, tổng chi phí sản xuất chung thực tế đã giảm 196.055.499 đồng so với kế hoạch đề ra, ngoại trừ chi phí khấu hao tài sản cố định thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra còn các loại chi phí sản xuất chung còn lại đều có mức giảm. Nguyên nhân biến động về chi phí ở đây là do đơn giá chi phí sản xuất chung/kg thành phẩm thay đổi, mà sự thay đổi đơn giá này là do tình hình sử dụng từng loại chi phí trong quá trình quản lý sản xuất ở phân xưởng. Có thể nói, đây là biểu hiện tốt trong công tác quản lý chi phí và phần đầu hạ giá thành sản phẩm của công ty.

Định mức tiêu hao nguyên liệu cho 1 đơn vị sản phẩm thực tế tăng so với kế hoạch đề ra là do trình độ tay nghề của công nhân chưa cao. Vì vậy, công ty nên có chính sách đào tạo, huấn luyện cho công nhân để nâng cao trình độ và tay nghề của công nhân, như thế sẽ góp phần giảm thiểu tình trạng hư

hỏng, bể vỡ nguyên liệu trong các công đoạn sản xuất, góp phần làm giảm định mức tiêu hao nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm.

Qua bảng phân tích ta thấy, tổng chi phí nhân công trực tiếp sử dụng cho sản xuất 4.923.405,4 kg thủy hải sản kỳ thực tế so với kế hoạch giảm 275.301.164 đồng. Kết quả đó cho thấy, công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý chi phí nhân công trực tiếp.

4.2. Giải pháp tiết kiệm chi phí và hạ giá thành tại Công ty BASEAFOOD

4.2.1. Giảm chi phí vật liệu

Giảm chi phí nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm đồng nghĩa với việc giảm lượng tiêu hao nguyên vật liệu thực tế. Điều này có thể được thực hiện, bằng cách phân công lao động phù hợp, quản lý lao động hiệu quả và sử dụng máy móc thiết bị sản xuất tối ưu... Ngoài ra, công ty cũng có thể hạ thấp đơn giá vật liệu bằng cách tìm các nguồn cung mới, sử dụng vật liệu có giá thành rẻ hơn vẫn đảm bảo chất lượng tương đương.

4.2.2. Giảm chi phí nhân công

Một số giải pháp giúp DN giảm thiểu chi phí nhân công bằng cách tuyển dụng và phân bổ lao động có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu, tính chất công việc. Quản lý nhân công một cách hiệu quả để tăng năng suất lao động. Đồng thời, thường xuyên tổ chức đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho nhân công từ đó nâng cao hiệu quả làm việc.

4.2.3. Giảm chi phí khấu hao

Chi phí khấu hao có thể được giảm bớt bằng cách sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại có kỹ thuật cao. Đồng thời, DN không nên đầu tư xây dựng nhà xưởng với kiến trúc không cần thiết.

(Xem tiếp trang 84)

Bảng 3

ĐVT: đồng

Chi phí sản xuất chung	Đơn giá CP SXC		CP SXC của 4.923.405,4 kg thành phẩm		Chênh lệch
	KH	TT	KH	TT	
CP nhân viên PX	50	46	246.170.270	226.927.385	-19.242.885
CP nhiên vật liệu	660	654	3.249.447.564	3.218.804.086	-30.643.478
CP công cụ dụng cụ	295	291	1.452.404.593	1.430.872.592	-21.532.001
CP KH TSCĐ	771	771	3.793.512.108	3.793.512.108	-
CP DV mua ngoài	2.122	2.103	10.447.466.259	10.352.580.051	-94.886.208
CP khác	402	396	1.981.642.426	1.951.891.499	-29.750.927
Cộng	4.300	4.260	21.170.643.220	20.974.587.721	-196.055.499

(Nguồn: tác giả sưu tầm)

4.2.4. Giảm chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài cũng phát sinh, khi DN quyết định mua nguyên vật liệu mà không tự sản xuất.

5. Kết luận

Trong công tác quản lý chi phí và hạ giá thành sản phẩm, vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục nhưng nhìn chung công ty cũng đã đạt được những kết quả tích cực.

Với đà phát triển như hiện nay, nếu được sự quan tâm giúp đỡ về mọi mặt của các cơ quan hữu quan, như: ưu đãi giúp đỡ cho công ty về mặt vốn sản xuất kinh doanh, cùng nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, thì chắc chắn trong một thời gian không xa công ty sẽ mang tầm quốc tế.▣

Tài liệu tham khảo

Bùi Văn Dương. (2021). Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Thống kê, Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Bà Rịa – Vũng Tàu.

Phan Đức Dũng. (2022). Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Thống kê.

Võ Văn Nhị. (2021). Giáo trình Kế toán tài chính, NXB Thống kê.